

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 08-01-2023  
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Với thành phần HĐXX xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Ngọc Quang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Minh Chiến

Ông Hồ Xuân Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Đình Dân – Là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Thanh Liêm – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý: 267/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2148/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị **Bùi Thị B** sinh năm 1972; trú tại: **Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định**, vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

**\* Bị đơn:** Anh **Trần Văn T** sinh năm 1971; trú tại: **Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định**, vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị **Bùi Thị B** trình bày:** Thông qua mai mối chị và anh **Trần Văn T** tìm hiểu một thời gian rồi tự nguyện tổ chức đăng ký kết hôn tại **UBND xã N, huyện A (nay thị xã A)** ngày 10/6/1993. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc thỉnh thoảng phát sinh kinh cãi, bất đồng quan điểm. Khoảng năm 2013, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh **T** thường xuyên cờ bạc về kiếm chuyện gây gổ với chị, sự việc lặp đi lặp lại nhiều lần và anh **T** đã nhiều lần thò thốt, xin lỗi nhưng vẫn tánh nết nào tặc đó không thay đổi. Năm 2019, chị vào thành **phố H** chung sống với anh **T** đến đợt dịch **C** 19 anh **T** tiếp tục chơi cờ bạc và vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn nên hai vợ chồng chấm dứt cuộc sống chung đến nay. Tháng 4/2023, chị cùng các con về quê **A** dự tiệc cưới thì anh **T** có lời lẽ xúc phạm danh dự, uy tín của chị dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng. Chị xác định không thể chung sống với anh **T** nên yêu cầu được ly hôn

Chị và anh **T** có 03 người con chung tên **Trần Minh T1** sinh ngày 21/4/1996, **Trần Thị Mỹ N** sinh ngày 03/3/1996, **Trần Thị Kim N1** sinh ngày 18/8/1999. Hiện nay các con đã trưởng thành lao động được tạo cuộc sống riêng nên chị không yêu cầu giải quyết trách nhiệm nuôi con sau khi ly hôn.

Tài sản chung, chị và anh **T** thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng bị đơn anh **Trần Văn T** trình bày:* Anh và chị **Bùi Thị B** tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng chung sống với nhau năm 1992, đến ngày 10/6/1993 tự nguyện đăng ký kết hôn tại **UBND xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định**. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đôi lúc vợ chồng xảy ra bất đồng những chuyện nhỏ vặt trong gia đình nhưng sau đó tự dàn xếp hàn gắn. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh năm 2021 cũng có phần lỗi của anh ham chơi cờ bạc vợ khuyên bảo không nghe từ đó vợ chồng thường xuyên xung đột, kinh cãi lớn tiếng với nhau và cũng từ đó vợ chồng không còn chung sống với nhau đến nay. Ngoài ra, chị **B** không chung thủy với anh nên vợ chồng thường bất hòa. Mặc dù vợ chồng cố gắng vun đắp hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Anh xác định mục đích hôn nhân của vợ chồng không đạt được, không thể duy trì quan hệ hôn nhân này nên thống nhất ly hôn với chị **B**.

Vợ chồng có 03 người con chung tên **Trần Minh T1** sinh ngày 21/4/1994, **Trần Thị Mỹ N** sinh ngày 03/3/1996, **Trần Thị Kim N1** sinh ngày 18/8/1996. Hiện nay các con đã trưởng thành tạo cuộc sống riêng, nên không yêu cầu giải quyết trách nhiệm chăm sóc nuôi con sau khi ly hôn.

Tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ giữa anh và chị **B** tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán trong quá trình thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án và Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã tuân thủ các trình tự tố tụng đúng theo quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Bùi Thị B** và anh **Trần Văn T**; anh **T** và chị **B** có 03 người con chung tên **Trần Minh T1** sinh ngày 21/4/1994, **Trần Thị Mỹ N** sinh ngày 03/3/1996, **Trần Thị Kim N1** sinh ngày 18/8/1996. Hiện nay các con đã trưởng thành tạo cuộc sống riêng, nên không yêu cầu giải quyết; tài sản chung các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét; buộc các đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị **Bùi Thị B** khởi kiện yêu cầu ly hôn anh **Trần Văn T** đang cư trú tại **thị xã A, tỉnh Bình Định** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị **Bùi Thị B**, anh **Trần Văn T** đều có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải. Ngoài ra, chị **Bùi Thị B** và anh **Trần Văn T** đều đề nghị xét xử vắng mặt phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị **B**, anh **T**.

[3] Chị **Bùi Thị B** và anh **Trần Văn T** tự nguyện đăng ký kết hôn tại **UBND xã N** và được **UBND xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 10 tháng 6 năm 1993 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

[4] Chị **B** cho rằng anh **T** thường xuyên cờ bạc dẫn đến thâm nợ về kiếm chuyện gây gổ với chị và mâu thuẫn lặp đi lặp lại nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi. Còn anh **T** thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng phát sinh có một phần lỗi xuất phát từ anh ham chơi cờ bạc. Ngoài ra chị **B** không chung thủy với anh. Mặc dù chị **B** và anh **T** đưa ra những nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thống nhất, nhưng cả hai thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng và từ năm 2021 chấm dứt cuộc sống chung đến nay. Hai anh chị xác định không thể tiếp tục trì quan hệ hôn nhân này nên thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn giữa chị **B** và anh **T** là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với thực trạng mâu thuẫn vợ chồng và phù hợp Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[5] Chị **B** và anh **T** có 03 người con chung tên **Trần Minh T1** sinh ngày 21/4/1996, **Trần Thị Mỹ N** sinh ngày 03/3/1996, **Trần Thị Kim N1** sinh ngày 18/8/1999. Hai anh chị xác định các con đã trưởng thành lao động được, tự tạo cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm trông nom, chăm sóc, giáo dục cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, nên không xét.

[7] Tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[8] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **Bùi Thị B** và anh **Trần Văn T** mỗi người phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì những lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 264, Điều Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Bùi Thị B** và anh **Trần Văn T**.

2. *Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn:* Các đương sự không yêu cầu nên không xét.

3. *Về tài sản chung:* Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:*

Chị **Bùi Thị B**, anh **Trần Văn T** mỗi người phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng. Chị **Bùi Thị B** được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001983 ngày 18 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Hoàn trả cho chị **Bùi Thị B** 225.000 (hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

5. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã An Nhơn;
- UBND xã An Trung;
- Lưu HSVA, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Ngọc Quang**